

Một số phương thức biểu thị tình thái trong tác phẩm bình luận báo chí tiếng Việt

TS. HUỲNH THỊ CHUYỀN

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: hongchuyenmn@gmail.com

Nhận ngày 29 tháng 1 năm 2025; chấp nhận đăng tháng 3 năm 2025.

Tóm tắt: Các tác phẩm báo chí nói chung và bình luận báo chí nói riêng có khả năng tạo dư luận xã hội rộng lớn, tác động mạnh mẽ đến nhận thức của con người và là phương tiện quản lý, giám sát và phản biện xã hội. Thể hiện được chức năng quan trọng này, phải kể đến vai trò của ngôn ngữ trong việc tạo nên giao tiếp giữa người viết (cung cấp thông tin) và người đọc (tiếp nhận thông tin) thông qua ngôn bản bình luận. Đây là dạng giao tiếp đặc biệt, có được chủ yếu nhờ việc thể hiện thái độ của người viết với thông tin được cung cấp nhằm mục đích định hướng suy nghĩ cho người đọc. Nó được biểu hiện thông qua các phương thức biểu thị tình thái trong tác phẩm bình luận báo chí.

Từ khóa: ngôn ngữ; giao tiếp; báo chí; tác phẩm bình luận báo chí; tình thái (modus).

Abstract: Journalistic works in general and journalistic commentaries in particular play a crucial role in shaping public opinion, influencing human perceptions, and serving as tools for social management, supervision, and critique. The effectiveness of these functions relies heavily on language, which facilitates communication between the writer (who provides information) and the reader (who receives it) through commentaries. This is a special form of communication, primarily achieved through the writer's expression of attitude toward the provided information to guide the reader's thinking. It is manifested through modal expressions in journalistic commentaries.

Keywords: language; communication; journalism; journalistic commentaries; modality.

1. Vài nét về tình thái và tác phẩm bình luận báo chí

1.1. Quan niệm về tình thái trong ngôn ngữ

Ngôn ngữ là công cụ mà con người dùng để phản ánh thế giới trong hoạt động nhận thức và tương tác xã hội. Quá trình "phản ánh" của ngôn ngữ bao giờ cũng thể hiện ý chí, thái độ, tình cảm của chủ thể trong giao tiếp và được thể hiện qua thành phần tình thái. Vì vậy, Bally (dẫn theo Nguyễn Văn Hiệp)⁽¹⁾ cho rằng, tình thái là linh hồn của câu, của văn bản và suy rộng ra là của cả ngôn ngữ trong hoạt động nói chung.

Trong cấu trúc nghĩa của phát ngôn (câu) gồm một phần cơ bản là ngôn liệu (dictum) và tình thái (modus). Trong đó, dictum là bộ phận biểu hiện nội dung sự tình ở dạng tiềm năng. Nó gắn với nghĩa miêu tả. Còn modus gắn với bình diện chủ quan, thể

hiện những nhân tố như ý chí, thái độ, sự đánh giá của người nói đối với điều được nói ra, xét trong quan hệ với thực tế, quan hệ với người đối thoại và với hoàn cảnh giao tiếp.

Tình thái là thông tin ngữ nghĩa của câu thể hiện thái độ hoặc ý kiến của người nói đối với điều được nói đến trong câu⁽²⁾.

Dù có nhiều ý kiến khác nhau về tình thái, nhưng tựu trung các nhà ngôn ngữ đều cho rằng, tình thái là thái độ của người nói đối với điều được nói ra, đối với hoàn cảnh phát ngôn và đối với thực tế.

Các nhà Việt ngữ học cũng dành nhiều nghiên cứu về tình thái trong tiếng Việt. Khi bàn về bình diện nghĩa của câu, tác giả Bùi Minh Toán⁽³⁾ đã nêu một số phương diện của tình thái đó là: Tình thái cho biết sự tình được đề cập đến trong phát ngôn chỉ là khả năng, là giả thiết hay đã là hiện thực, là được

khẳng định hay phủ định□ ; Tình thái cho biết mục đích giao tiếp và hành động ngôn ngữ mà người nói hướng tới khi đề cập đến sự tình: trình bày về sự tình hay là đặt ra điều nghi vấn, nêu yêu cầu hay cam kết hoặc tuyên bố điều gì đó về sự tình□ ; Tình thái còn cho biết quan điểm lập trường, sự đánh giá của người nói đối với sự tình được đề cập tới về các phương diện độ xác thực, độ tin cậy, tính tích cực hay tiêu cực đối với những người tham gia hoạt động giao tiếp□ ; Tình thái cho biết thái độ, quan hệ, tình cảm của những người tham gia giao tiếp đối với nhau khi đề cập đến sự tình□

Trong tiếng Việt, ngoài ngữ điệu thì các phương tiện từ vựng đóng một vai trò rất quan trọng trong việc biểu thị tình thái. Theo tác giả Nguyễn Văn Hiệp⁽⁴⁾ có thể kể ra các nhóm chính như sau:

1) Các phó từ làm thành phần phụ của ngữ vị từ: *đã, sẽ, đang, từng, vừa, mới*□

2) Các vị từ tình thái tính làm chính tổ trong ngữ đoạn vị từ: *toan, định, cố, muốn, đành, được, bị, bỏ, hãy, đừng, chớ*,□

3) Các vị từ chỉ thái độ mệnh đề trong cấu trúc chỉ thái độ mệnh đề: *tôi e rằng, tôi sợ rằng, tôi nghĩ rằng*,□

4) Các quán ngữ tình thái: *ai bảo, nói gì thì nói, ngó bộ, thảo nào, tội gì, chẳng thẳng ra, kể ra, làm như thế*,□

5) Các vị từ ngôn hành trong kiểu câu ngôn hành (với những điều kiện về ngôi,□) như: *ra lệnh, van, xin, đề nghị, yêu cầu*,□

6) Các thán từ: *ôi, eo ôi, chao ôi, ồ*,□

7) Các tiểu từ tình thái cuối câu và tổ hợp đặc ngữ (idom) tương đương: *à, ư, nhỉ, nhé, thôi, chứ, đi, mất, thật, cũng nên, lại còn, thì chết*,□

8) Các vị từ đánh giá và tổ hợp có tính đánh giá: *may (là), may một cái (là), đáng buồn (là), đáng mừng (là), đáng tiếc (là)*,□

9) Các trợ từ: *đến, những, mỗi, nào, ngay, cả, chính, đích thị, đã, mới, chỉ*,□

10) Những đại từ nghi vấn được dùng trong những câu phủ định - bác bỏ (*P làm gì? P thế nào được?*), các liên từ dùng trong các câu hỏi (Hay P? Hay là P?).

11) Các từ ngữ chêm xen biểu thị tình thái: *nó*

biết cóc gì, mua cha nó cho rồi, hỏi cái đếch gì □

12) Kiểu câu điều kiện, giả định: *nếu □ thì, giá □ thì, cứ □ thì*,□

1.2. Quan niệm về tác phẩm bình luận báo chí

Ở Việt Nam, các tác giả cuốn □Nghề nghiệp và công việc của nhà báo□⁽⁵⁾ quan niệm: Thể loại bình luận là một bộ phận của công tác báo chí dùng để hướng dẫn cách nhận định các nguồn tin tức,□ Để đạt được mục đích trên, nghĩa là làm cho quần chúng hiểu và nhận thức được các điều kiện và sự phát triển về đời sống chính trị xã hội hiện thời, bài bình luận có nhiệm vụ tạo điều kiện cho độc giả đánh giá đúng đắn sự kiện nhất định đương thời. Do đó, bài bình luận phải dẫn dắt độc giả rút ra được kết luận từ những sự kiện đã xảy ra trong thực tế để họ quyết định vận mệnh chính trị của họ một cách đúng đắn và hành động theo sự quyết định đó

Tác giả Trần Thế Phiệt quan niệm: Bình luận với ý nghĩa là một phương pháp, là cách □đánh giá và bàn luận về một sự kiện, một hiện tượng, một vấn đề nào đó và những điều do vấn đề đó gọi ra□⁽⁶⁾.

Tác giả Đức Dũng⁽⁷⁾ cho rằng, trong nhóm Chính luận báo chí thì Bình luận được đặt ở vị trí số một và đóng vai trò là thể loại hạt nhân. Thể loại quan trọng này thể hiện sinh động những đặc điểm của cả nhóm. Đó là năng lực thông tin lý lẽ, trên cơ sở của những sự việc, sự kiện, hoàn cảnh, tình huống tiêu biểu mới xuất hiện trong đời sống với nghệ thuật lập luận chặt chẽ và với việc sử dụng bút pháp, ngôn từ rất mềm dẻo, linh hoạt □

Như vậy, tác phẩm bình luận bao giờ cũng đánh giá, bàn luận một vấn đề có ý nghĩa chính trị - xã hội quan trọng mà bạn đọc đã biết và làm nổi bật thái độ đối với đối tượng được phản ánh trong tác phẩm.

2. Một số phương thức biểu thị tình thái trong tác phẩm bình luận báo chí tiếng Việt

Dựa trên lý thuyết về tình thái đã được nghiên cứu ở trên, trong sáng tạo tác phẩm bình luận báo chí, tình thái có thể được tạo nên từ các cách sau:

2.1. Sử dụng vị từ tình thái thuộc thành phần chính của câu

Thành phần chính của câu chính là nòng cốt câu, bao gồm chủ ngữ và vị ngữ. Chủ ngữ chỉ ra đối tượng mà câu nói đề cập và hàm chứa, hoặc có thể chấp nhận được cái đặc trưng (hành động, trạng thái,

tính chất□) sẽ được nói lên ở vị ngữ. Thông thường, vị trí của chủ ngữ thường đứng trước vị ngữ; vị ngữ là thành phần tường thuật về chủ ngữ.

Tác giả bài bình luận thể hiện thái độ bằng cách sử dụng các vị từ tình thái làm thành tố chính trong thành phần vị ngữ, đó là các từ như: *toan, định, cố, muốn, đành, được, bị, bỏ, hãy, đừng, chớ* ... Ví dụ:

Một phụ nữ/ bị một người đàn ông dùng gậy driver đập vào người đến mức cây gậy bị gãy làm đôi - thì nhập viện là chuyện đương nhiên.

(Lê Thanh Phong, *Hãy trả lời ngay ông Nguyễn Viết Dũng có đánh nhân viên sân golf không?* Lao Động, 12/12/2022).

Ở ví dụ này, □bị□ là động từ làm thành tố chính của thành phần vị ngữ trong câu, biểu thị thái độ của tác giả bài viết lên án hành động của người đàn ông cầm cây gậy chơi gôn đập mạnh vào người phụ nữ. Đó cũng là cách tác giả bài báo thể hiện thái độ (sự bình giá) của mình.

2.2. Sử dụng quán ngữ

Quán ngữ có tên gọi khác là các tập hợp từ cố định. Quán ngữ là những cụm từ do sử dụng lâu ngày mà quen dần và trở nên ổn định về hình thức và nghĩa. Chức năng của quán ngữ là để đưa đẩy, rào đón, đề nhấn mạnh (biểu thị thái độ) hoặc để liên kết trong ngôn bản. Trong tác phẩm bình luận, người viết thường dùng quán ngữ ở đầu câu để biểu thị tình thái như: *đúng là, chẳng hề, rõ ràng, phải chăng, thực sự, công bằng mà nói, thực ra, tất nhiên, đương nhiên, quả thật, quả tình, dĩ nhiên, đáng lẽ, cũng, phải chăng, hẳn là, không chừng, thật ra, lẽ ra, may mà, thế nào* ...

Ví dụ: *Vụ mưa rơi đá vỡ này nhắc nhớ chuyện năm xưa, khi người ta đổ cho mặt cầu Thăng Long hư hỏng là do thời tiết. Và mới đây thôi, mặt đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi bị bong tróc và ổ gà là do mưa lớn, cho nên Báo Lao Động có bài viết □Phải xây... mái che cho cao tốc 34.500 tỉ đồng□*

Không chừng, Hà Nội cũng phải xây mái che cho những vỉa hè lát đá tự nhiên có độ bền 70 năm để bảo đảm đừng bị nứt vỡ do mưa. (Lê Thanh Phong, *Mưa rơi đá vỡ, chuyện khó tin từ vỉa hè Hà Nội*, Lao Động, 09/12/2022).

□Không chừng□ là quán ngữ, đặt trong ngữ cảnh (cả đoạn văn) cho thấy thái độ của người viết vừa có

phần hài hước vừa có phần mỉa mai, châm biếm: xây mái che cho đường cao tốc cũng như xây mái che cho vỉa hè Hà Nội để tránh mưa nắng (!).

Tác giả bài bình luận còn sử dụng những quán ngữ có đại từ không xác định. Những quán ngữ này thể hiện nghĩa tình thái nhận thức thực hữu hay phản thức hữu và thường thể hiện thái cực trái ngược. Chúng giúp người viết tạo hàm ngôn nhằm né tránh nói thẳng những điều e ngại. Chúng xuất hiện trong câu trình bày về vấn đề mang tính khái quát hay quy luật. Đó là những quán ngữ như: *không ai, không có người dân nào, hình như chưa có ai, ai dám chắc rằng, sẽ không thể nói được rằng, điều đó cũng không xa sự thật, điều đó không có vẻ là như vậy* ...

Ví dụ: *Thật ít ai có thể tưởng tượng cuộc xung đột giữa Israel và Hamas nói riêng, cục diện Trung Đông nói chung lại thay đổi nhanh chóng và diễn biến theo chiều hướng phức tạp, thậm chí hỗn loạn như vậy chỉ sau hơn một năm.* (Mỹ Hạnh, *Trung Đông 2024: Bất lực trước mỗi lựa chọn tranh, Quân đội nhân dân*, 29/12/2024)

Trong tác phẩm bình luận, cách tác giả thể hiện thái độ của mình với thông tin đưa ra đòi hỏi tác giả phải tế nhị và xử trí khéo léo tùy thuộc vào kiến thức văn hoá của đối tượng tiếp nhận thông tin và nội dung của thông tin. Điều quan tâm là cách thức thể hiện thái độ về thông tin theo cách công khai hay ẩn ý, thể hiện trực tiếp hay gián tiếp.

Người viết có nhiều cách để không công khai bày tỏ quan điểm thông qua việc sử dụng tình thái như: *rõ ràng rằng...*

mọi người đều công nhận rằng...

điều ai cũng biết là...

kết luận khó có thể tránh được là...

mọi người đều khẳng định rằng□

Trong bình luận, việc thể hiện nghĩa tình thái bằng cách đưa ra các phán đoán, nhận xét về một vấn đề khi tác giả muốn tạo cảm giác là vấn đề đó đương nhiên được công nhận bởi một số lớn người đọc hoặc số đông trong xã hội khi mà tác giả phản ánh lại những điều đó một cách khách quan. Ví dụ: *Giới quan sát nhận định việc Chính phủ Ba Lan công bố kế hoạch hai tuần trước cuộc bầu cử Nghị viện châu Âu (EP) có thể là một phần trong chiến dịch vận động tranh cử của chính quyền Thủ tướng*

Donald Tusk. Với dân số khoảng 40 triệu người, Ba Lan được phân bổ 53 ghế trong EP. Ngọc Hân, Ba Lan công bố chi tiết Chương trình "Lá chắn phía Đông", Quân đội nhân dân, 29/5/2024).

Cụm từ "giới quan sát nhận định" nói lên rằng tác giả bài báo phản ánh một cách khách quan (không công khai bày tỏ quan điểm) vấn đề đã được nhiều người công nhận, nhiều người biết đến.

2.3. Sử dụng đại từ nhân xưng

Người viết bình luận dùng các đại từ nhân xưng vào các ngữ cảnh khác để tạo ấn dụ ngữ pháp. Trong ngôn ngữ, ấn dụ ngữ pháp tức là những biến thể trình bày khác nhau có thể được lựa chọn để biểu đạt cùng một ý nghĩa. Việc dùng đại từ nhân xưng để thể hiện thái độ trong bình luận báo chí tiếng Việt rất phổ biến. Ví dụ: *Trong tường trình của mình về tình hình Việt Nam dài tám trang rưỡi, ông C. Xmit với con mắt thiên cận, phiến diện, đã làm ngơ trước những sự phát triển kinh tế, xã hội quan trọng của Việt Nam được cả thế giới biết đến và đánh giá cao. Trái lại, ông ta chỉ tập trung vào vấn đề thứ yếu, nhai lại luận điệu cũ rích, vu cáo Việt Nam "vi phạm nghiêm trọng" về dân chủ, nhân quyền ...*⁽⁸⁾.

"Ông ta" (chỉ ông C.Xmit) là đại từ nhân xưng. Trong tiếng Việt, nghĩa của từ này không mang nét nghĩa tích cực, vì quả thực ông C.Xmit chỉ có cái nhìn phiến diện, thiên cận với cái luận điệu cũ rích để vu cáo Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền. Như vậy, việc chọn đại từ nhân xưng ("ông ta") đã thể hiện thái độ của tác giả cũng như thái độ của tòa soạn "hàm ý: tôi/chúng tôi đang phê bình ông đấy, ông C.Xmit!

Những từ, ngữ khác hay được dùng để tạo ấn dụ ngữ pháp trong bài bình luận như: *hắn, người ta, ngài, ông, ông con ...* Ví dụ sau đây là một cách tạo ấn dụ ngữ pháp từ đại từ nhân xưng để chỉ tên trùm cai ngục Khor-me Đỏ khét tiếng man rợ trong lịch sử:

Cùng với nhân dân Campuchia, nhân dân Việt Nam hay bất cứ ai trên thế giới biết rõ tội ác diệt chủng của chế độ Khor-me Đỏ trước đây đều vui mừng trước tin Tòa án xét xử tội ác Khor-me Đỏ (ECCC) ở Campuchia, do Liên hợp quốc bảo trợ, đưa ra xét xử và tuyên án 35 năm tù giam đối với Cang Kéch Yêu (Kaing Guek Eav), người có biệt danh là "Duch", cai ngục nhà tù Tuol Sleng S21

(Toul Sleng) khét tiếng dưới chế độ Khor-me Đỏ. Hắn là một trong những thủ lĩnh Khor-me đỏ cấp cao bị đưa ra xét xử đầu tiên và bị buộc tội phạm tội ác chiến tranh cùng các tội ác chống lại loài người. (Kim Tôn, Ngày phán xét lịch sử, Quân đội nhân dân, 27/7/2010).

Ví dụ trên trích trong bài bình luận "Ngày phán xét lịch sử" (báo Quân đội nhân dân, 27/7/2010). Câu đầu tiên của đoạn, tác giả giới thiệu tên nhân vật bị Tòa án xét xử tội ác Khor-me Đỏ ở Campuchia là: "Cang Kéch Yêu". Nhưng ở câu thứ hai, tác giả dùng từ "hắn". Cách dùng đại từ nhân xưng này cho thấy thái độ coi thường của tác giả (cũng như của độc giả) đối với tên Khor-me Đỏ vì hắn đã gây tội ác diệt chủng. Đây chính là cách định hướng cho độc giả của bài bình luận.

Việc đặt ra mục tiêu định hướng suy nghĩ cho độc giả rất rõ ràng trong tác phẩm bình luận báo chí tiếng Việt. Tuy nhiên, nhân vật trần thuật ít công khai xuất hiện, vì vậy, cách sử dụng phổ biến đó là cách dùng đại từ nhân xưng số nhiều (*chúng ta, chúng tôi*). Ví dụ: ... *Chúng ta cũng hiểu rằng, hiện nay, ở bất kỳ nước nào trên thế giới, dù là nước phát triển cao độ, giàu có như Mỹ, vấn đề nhân quyền vẫn tồn tại, vẫn cần tiếp tục giải quyết. Việt Nam đã từng trải qua mấy cuộc chiến tranh xâm lược, phá hoại của nước ngoài, nay vẫn là nước nghèo, đang phát triển, vấn đề nhân quyền đương nhiên vẫn còn, đang gắng sức giải quyết, đó là những thực tế khách quan ...*⁽⁹⁾.

Nhà báo Đức Dũng đã có lần nói, đại ý: Khác với tác phẩm văn học nghệ thuật, trong các tác phẩm báo chí, tác giả ít khi xưng "tôi" (trừ những trường hợp đặc biệt hoặc với những thể loại đặc biệt) mà thường dùng đại từ nhân xưng là "chúng tôi", "chúng ta". Điều này cho thấy một điểm khác biệt do đặc trưng loại hình chi phối đến ngôn ngữ của các tác phẩm. Trong sáng tạo văn học nghệ thuật, cái tôi tác giả là "cái tôi thẩm mỹ" - cái tôi mang đậm dấu ấn cá nhân của người nghệ sỹ. Trong báo chí, cái tôi tác giả trước hết phải là "cái tôi - công dân", do đó phải luôn đứng trên một lập trường rõ ràng. Phía sau "cái tôi - công dân" ấy luôn có một cái "ta - cộng đồng". Chính phong cách ngôn ngữ này đã góp phần làm cho tác phẩm báo chí trở nên mạnh mẽ và khách quan hơn.

2.4. Sử dụng chủ thể ẩn (tính lược chủ ngữ)\

Nhóm các động từ chỉ thái độ mệnh đề với chủ ngữ ẩn là một hiện tượng khá thú vị và phổ biến trong bình luận báo chí tiếng Việt. Tuy không có sự hiển hiện thành văn của chủ thể là ngôi thứ nhất, người đọc vẫn dễ dàng nhận thấy được điều đó, do chủ thể được khôi phục lại không mấy khó khăn dựa trên những mối liên hệ bị thiếu để có được sự liên kết tường minh với các câu khác trong ngôn bản.

Ví dụ: *Chắc chắn rằng, những người Mỹ đã từng đến Việt Nam nhiều lần, hay đã từng sống ở Việt Nam nhiều năm ấy phải hiểu thực tế Việt Nam hơn, lời nói của họ phải sát thực, đúng đắn hơn những kẻ chỉ □bắc chỗ nghe hơi□ □nhắm mắt nói mò□ về nhân quyền ở Việt Nam⁽¹⁰⁾.*

Có nhiều trường hợp, chủ thể có thể được suy ra hay hiểu theo nhiều cách khác nhau. Các ngữ thường xuất hiện xen vào phần miêu tả, câu cuối mỗi đoạn hoặc phần kết của ngôn bản gồm: *có thể nói, thiết nghĩ, chỉ mong sao, rất tiếc rằng, ấy là còn chưa nói đến, đó là chưa kể tới, vẫn biết ...*

2.5. Sử dụng câu cầu khiến

Trong ngôn ngữ, cầu khiến là dạng yêu cầu, chúc tụng, sai bảo □ Trong bài bình luận, với ý tưởng: chủ thể là người đối thoại trực tiếp, thường xuất hiện ở cuối đoạn hoặc cuối ngôn bản nhằm công khai định hướng suy nghĩ và hành động của người đọc. Ví dụ:

Hãy dọn dẹp ngôi nhà của mình trước đã! Hãy chấm dứt phán quyết quá nghiêm khắc người Việt Nam trong vấn đề nhân quyền mà lẽ ra hãy để họ phán quyết chúng ta một cách nghiêm khắc!⁽¹¹⁾.

Ví dụ trên dẫn từ bài báo □Một đạo luật phi lý□ của tác giả Nguyễn Trung. Bài bình luận này, tác giả bài báo sử dụng 2 câu cầu khiến đi liền nhau

2.6. Sử dụng câu cảm thán

Câu cảm thán là kiểu câu thể hiện thái độ, cảm xúc. Người viết bài bình luận có thể dùng câu cảm thán đứng riêng rẽ để thể hiện thái độ của mình đối với toàn bộ phần lập luận được nêu ra trước đó. Ví dụ: *Muốn vậy thì những người có trách nhiệm và trước hết chính ngành giáo dục phải có quyết tâm, giải pháp để sớm trả lại cho giáo dục một môi trường mà ở đó thầy cô ra thầy cô, trò ra trò, phụ huynh ra phụ huynh...*

Chỉ để nhập nhằng, lẫn lộn vai trò như bây giờ

thì kỷ luật nữa hay kỷ luật mãi vẫn chỉ là một vòng xoáy không lối ra! (Hoàng Văn Minh, Cách chức hiệu trưởng gây thương tích cho học sinh là xác đáng, Lao Động, 29/5/2024).

Trong ví dụ này, tác giả viết riêng một câu cảm thán (câu in đậm) có ý nghĩa nhấn mạnh và bộc lộ rất rõ thái độ kiên quyết của mình đối với hành vi phản giáo dục của vị hiệu trưởng.

2.7. Sử dụng câu điều kiện, giả thiết

Trong các bài bình luận, câu điều kiện, giả thiết xuất hiện nhiều. Dấu hiệu về mặt ngôn ngữ là các cặp từ: *giả□ thì; tuy□ nhưng; mặc dù□ nhưng□* Ví dụ: *Mặc dù chưa chính thức bước chân vào Nhà Trắng nhưng Tổng thống đắc cử Mỹ Donald Trump đã liên tục tạo ra những tin thời sự nóng bỏng đến giật mình cả trong các chủ đề nội trị lẫn quốc tế. (Hồng Thanh Quang, □Để rồi xem!□, Quân đội nhân dân cuối tuần, 05/01/2025).*

Ở ví dụ này, □mặc dù□ và □nhưng□ chính là cặp từ trong câu chỉ điều kiện, giả thiết. Sử dụng cặp từ này để phản ánh rằng, ông Donald Trump là người có cá tính nổi bật, luôn mang đến □sự giật mình□ trong các vấn đề thời sự.

2.8. Sử dụng trạng ngữ tình thái bình luận

Thường gặp trong các bài bình luận là việc sử dụng trạng ngữ tình thái bình luận như một cách thể hiện bình luận. Với 2 vị trí phổ biến là: đầu câu hoặc cuối câu, trong đó vị trí đầu câu là dạng phổ biến nhất. Trong bình luận, các quán ngữ cố định và thành phần chú thích được gọi là phần phụ chú tình thái có thể được coi là yếu tố bình luận. Với chức năng chính là biểu thị thái độ của tác giả đối với thông tin nêu ra trong câu, trạng ngữ tình thái bình luận được chia thành 2 nhóm chính như sau:

- Nhóm trạng ngữ tình thái bình luận chỉ xét đoán về khả năng, xác suất. Loại này bao gồm các trạng ngữ chỉ phán đoán như: *rõ ràng, rõ ràng là, quả thực là, có lẽ, có thể, gần như, trên thực tế, một cách định kỳ, phải thừa nhận là ...* Ví dụ:

Thực tế cho thấy, nước Mỹ khó có khả năng trở lại vĩ đại nếu khiến các nước khác trở nên bé nhỏ hơn so với những thứ họ xứng đáng có được từ tiềm lực và truyền thống vốn có. (Hồng Thanh Quang, □Để rồi xem!□, Quân đội nhân dân cuối tuần, 05/01/2025).

Ở ví dụ này, thực tế cho thấy là trạng ngữ tình thái bình luận như một cách thể hiện bình luận: để rồi xem ông Donald Trump sẽ dẫn dắt đưa nước Mỹ trở lại vĩ đại như thế nào.

- Nhóm trạng ngữ tình thái bình luận chỉ thái độ, thiên hướng, sở thích. Các trạng ngữ có vai trò này gồm: *không may thay, không chỉ vậy, buồn thay, xót thay, dễ hiểu là, một cách tượng trưng, chân thành mà nói, quả là quan trọng, kỳ diệu thay, thật nghiêm trọng, lập tức, không nghi ngờ gì, chẳng ngạc nhiên ...* Ví dụ: *Có thể những ngư dân ở Sa Huỳnh bị chết nói trên đã dùng quá liều urê, những mong cá được tươi lâu chẳng? Nếu thế thì, chỉ vì tham một chút giá mà phải trả giá như thế, xót thay!* (Lê Thanh Phong, *Giá của phân urê*, Lao Động, 12/7/2010).

2.9. Sử dụng thành phần chủ thích, thành phần chêm, xen, giải thích

Thành phần chủ thích, thành phần chêm, xen, giải thích không tham gia vào cấu trúc thông tin của câu, mà được dùng để chêm, xen vào một câu đã toàn vẹn ý nghĩa. Chúng gồm 2 loại: phụ chú cho một từ và phụ chú cho cả câu. Trong bình luận, thành phần xen rất phổ biến và có thể coi là phương thức thể hiện thái độ của người viết, đồng thời là một trong các cách không những đưa thông tin bổ sung, mà còn tạo nên đối thoại giữa người viết và người đọc. Về dấu hiệu hình thức, thành phần xen được phân cách với các thành tố trong câu bởi dấu gạch ngang (-), dấu phẩy (,) hoặc dấu ngoặc đơn (). Về vị trí: các thành phần xen không có vị trí cố định. Chúng có thể xen vào bất kỳ một vị trí nào trong cấu trúc câu: trước, sau hoặc giữa một thành tố trong câu. Ví dụ về thành phần xen được xen vào giữa các cấu trúc cố định:

Những tin xấu đồn dập (mới đây nhất, 6/7 là việc ủy ban 11-9 thông báo rằng Phó Tổng thống Dick Cheney không có thêm thông tin gì mới về mối liên hệ giữa chế độ Hun Sen và tổ chức khủng bố Al Qaeda), hiển nhiên không có lợi cho chính quyền Bush trước bầu cử tổng thống. (Duy Văn, *Một thắng lợi ảo*, Tuổi trẻ TP HCM, 9/7/2004).

Ở ví dụ này, thành phần chêm, xen là phần xen vào giữa chủ ngữ và vị ngữ: *“mới đây nhất, 6/7 là việc ủy ban 11-9 thông báo rằng Phó Tổng thống Dick Ch-*

eney không có thêm thông tin gì mới về mối liên hệ giữa chế độ Hun Sen và tổ chức khủng bố Al Qaeda - vừa bổ sung nghĩa, vừa là phương thức thể hiện thái độ của người viết.

Thành phần chêm, xen có thể xen vào giữa một danh ngữ (giữa danh từ trung tâm và định ngữ sau), đồng thời vẫn mang tính bình giá. Ví dụ:

Điểm nổi bật là chương trình sản phẩm chủ lực 2 cây - 2 con và chương trình hoa cảnh - cá cảnh (rất đặc trưng của nông nghiệp đô thị) ngày càng phát triển, có hiệu quả⁽¹²⁾.

Thành phần chêm, xen có thể xen vào giữa chủ ngữ và vị ngữ. Ví dụ: *Trong tường trình của mình về tình hình Việt Nam dài tám trang rưỡi, ông C. Xmit, với con mắt thiên cận, phiến diện, đã làm ngơ trước sự phát triển kinh tế, xã hội quan trọng của Việt Nam được cả thế giới biết đến và đánh giá cao⁽¹³⁾.*

Việc sử dụng thành phần xen với con mắt thiên cận, phiến diện vừa bổ sung thông tin cho cụm từ *“ông C.Xmit”*, vừa thấy rõ thái độ bình giá của tác giả với nhân vật này.

Thành phần chêm, xen có thể ở vị trí cuối câu. Ví dụ: *Theo tờ Chicago Tribune, những người có khả năng mất việc bao gồm các nhà khoa học trong lĩnh vực y tế, chuyên gia cơ sở hạ tầng năng lượng, nhân viên ngoại giao, đặc vụ của Cục Điều tra Liên bang Mỹ (FBI), công tố viên, chuyên gia dữ liệu giáo dục và nông nghiệp, nhân viên cứu trợ ở nước ngoài và thậm chí cả các cán bộ nhân sự - những người trước đây chuyên quản lý việc sa thải người khác.* (Anh Vũ, *Tháng đầu nhiệm kỳ và những cơn địa chấn từ Nhà Trắng*, Quân đội nhân dân, 22/02/2025).

Ví dụ trên, thành phần xen ở vị trí cuối câu, bổ sung nghĩa cho cụm từ *“các cán bộ nhân sự”* nhưng vẫn mang nét nghĩa bình luận.

Về chức năng cú pháp: Các thành phần xen là thành phần phụ chú trong câu. Trên phạm vi toàn câu, thành phần xen có thể bổ sung thông tin cho một từ, một ngữ, một câu hay cung cấp tình huống về ngữ cảnh ngôn bản. Khả năng mở rộng nghĩa của phần xen rất phù hợp với nhu cầu mở rộng nghĩa của câu trong tác phẩm bình luận. Ví dụ: *Sau khi chuyển từ cấp phó lên làm chỉ huy nhà tù S21, Duch chia S21 thành những khu riêng biệt với chức năng khác*

nhau, đó là khu bảo vệ, khu thăm vấn (Duch trực tiếp giám sát khu này), khu tẩu lộ, khu đặc biệt. (Mỹ Hạnh, *Tội ác ở địa ngục trần gian* S21, Quân đội nhân dân, 29/7/2010).

Về đặc điểm phong cách: Ngôn ngữ của thành phần xen thiên về văn phong hội thoại, mang tính chất khẩu ngữ. Ví dụ sau có thành phần xen được sử dụng ở mức độ nhiều và mang tính khẩu ngữ:

Với kích thước và độ dày như thế, sớm hư hỏng là đúng rồi chứ làm sao được 70 năm hay vĩnh cửu, bởi chỉ cần vài trận mưa, nước xói mòn cát nền là đá lát hỏng chân, người xe đi qua là vỡ.

*Ai đó nói chọn loại đá như châu Âu đắt hơn, có sao đâu bởi đắt một lần (chưa chắc đã đắt hơn) nhưng dùng được cho nhiều đời người thì xem ra lời hơn chọn loại đá mỏng có giá rẻ (chưa hẳn) nhưng cứ hỏng hoài, năm nào cũng thay mới. (Nguyễn Minh Hòa, *Đá cũng là tiền, không phải giấy vụn*, Tuổi trẻ, 12/12/2022)*

Ví dụ trên có thành phần xen là những khẩu ngữ trong hội thoại hằng ngày, có tác dụng bình luận, còn tạo cảm giác tác giả đang giao tiếp/ hội thoại với bạn đọc.

Về vai trò trong giao tiếp: Thành phần xen tuy làm gián đoạn việc theo dõi diễn biến sự kiện, nhưng lại có nhiều tác dụng trong giao tiếp như:

- Cung cấp, bổ sung những chi tiết cần thiết giúp cho việc hiểu đúng thông tin trình bày trong cấu trúc chính của cú, giải đáp tức thời thắc mắc có thể xuất hiện trong quá trình nhận thức về sự kiện, tăng sức thuyết phục cho thông báo.

- Luận bình và thể hiện thái độ một cách tế nhị của người viết về thông tin chính của cú. Điều này tạo nên sự phong phú, đa dạng cho giao tiếp. Bởi lẽ, vì nằm ngoài cấu trúc chính của câu nên thành phần xen không bị chi phối một cách chặt chẽ bởi các quy tắc áp dụng cho các thành phần nòng cốt câu.

- Giúp người viết giao tiếp với người đọc và định hướng suy nghĩ cho người đọc.

2.10. Sử dụng thành ngữ, tục ngữ và các biến thể của chúng

Việc sử dụng thành ngữ, tục ngữ là thủ pháp tăng cường giá trị biểu cảm được ưa dùng trên báo chí. Sử dụng thành ngữ, tục ngữ và các biến thể của

chúng là cách để tác giả bài bình luận thể hiện thái độ, cảm xúc. Ví dụ: *□Một miếng khi đói□thật sự là rất cần thiết. Để ít nhất, họ có thể đảm bảo cuộc sống, để họ không phải ăn vào tương lai và cũng để họ khỏi sa chân vào tin dụng đen.* (Đào Tuấn, *Để hạn chế □những đoàn người xếp hàng từ tờ mờ sáng*, Lao Động, 10/12/2022).

□Một miếng khi đói□ở ví dụ trên là biến thể của thành ngữ □Một miếng khi đói bằng một gói khi no□. Đây chính là cách mà tác giả sử dụng để biểu thị thái độ và tăng cường sự bình giá trong tác phẩm bình luận.

Những khảo sát trên đây cho thấy: tình thái trong tác phẩm bình luận báo chí được thể hiện rất phong phú, đa dạng. Người viết có thể sử dụng các phương thức biểu thị tình thái như: vị từ tình thái, đại từ nhân xưng, quán ngữ, tình lược chủ ngữ, câu cảm thán, câu cầu khiến, thành phần chú thích, trạng ngữ tình thái bình luận v.v.. Dù thể hiện tình thái dưới dạng nào thì cái □tôi□ tác giả trong tác phẩm bình luận báo chí tiếng Việt vẫn thể hiện được vai trò, thái độ của mình một cách rõ nét nhất, khẳng định tính chủ động trong định hướng suy nghĩ của tác giả cũng như định hướng suy nghĩ cho độc giả. Đó cũng chính là một cách thể hiện tính quyền lực của báo chí./.

(1), (2), (4) Nguyễn Văn Hiệp (2012), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, H., tr.74, tr.85, tr.140-141.

(3) Bùi Minh Toán (2012), *Câu trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, H., tr.65.

(5) Hội nhà báo Việt Nam (1992), *Nghề nghiệp và công việc của nhà báo*, H., tr.241.

(6) Trần Thế Phiệt (1995), *Tác phẩm báo chí, T. 3*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội. tr.89.

(7) Đức Dũng (2000), *Viết báo như thế nào?* Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội. tr.68.

(8), (9), (10), (11), (13) Hội Nhà báo Việt Nam (2005), *Tuyển tập tác phẩm báo chí Việt Nam thời kỳ đổi mới (1985-2004), tập III (2000-2004)*, H., tr.746, 749, 748, 748, 746.

(12) Trần Quang (2007), *Các thể loại báo chí chính luận*, Nxb. Đại học Quốc gia H., tr.125.